

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

#### Tổng quan thị trường

|                       | Giá trị  | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| VN-Index              | 391.67 ↑ | 3.70     | 0.95%   |
| KL.GD (triệu ck)      | 39.22 ↑  | 0.18     | 0.46%   |
| GTGD (tỷ đồng)        | 622.49 ↑ | 113.53   | 22.31%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 54.72 ↓  | -3.47    | -5.96%  |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 54.70 ↓  | -4.53    | -7.65%  |
| Giao dịch NN          |          |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 4.27 ↓   | -0.27    | -5.95%  |
| KL bán (triệu ck)     | 2.59 ↑   | 0.42     | 19.63%  |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 100.21 ↓ | -16.75   | -14.32% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 47.63 ↑  | 5.44     | 12.91%  |

Văn Phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ (CBO) dự báo triển vọng phát triển của nền kinh tế đầu tàu thế giới trong những năm tới tiếp tục âm ảm, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao, thâm hụt ngân sách liên bang bắt đầu giảm song vẫn là một thách thức lớn. CBO dự báo năm 2012 sẽ là năm thứ tư liên tiếp cán cân thu chi ngân sách của chính phủ liên bang Mỹ bị thâm hụt trên 1.000 tỷ USD. Trước đó, Bộ Tài chính Mỹ cũng cho biết chính phủ liên bang nước này dự kiến sẽ phải vay 644 tỷ USD từ các thị trường để chi cho hoạt động trong nửa đầu năm nay.

Năm 2012, SCIC dự kiến quy mô đầu tư hơn 4.000 tỷ đồng, tập trung vào 3 nhóm chính: Thứ nhất, đầu tư các dự án theo chỉ định của Chính phủ; Thứ hai, đầu tư bằng cách tham gia tăng vốn tại các DN mà Tổng công ty có cổ phần hiện hữu; Thứ ba, đầu tư vào các dự án, cổ phiếu và trái phiếu. SCIC sẽ hợp tác với các tập đoàn và tổng công ty mua lại các khoản đầu tư của họ khi phải thoái vốn do đầu tư ngoài ngành.

Lãi suất bình quân liên ngân hàng đã tăng mạnh đối với các kỳ hạn 9 tháng và 12 tháng, với mức tăng lần lượt 6.8% và 3.56% so với tuần trước. Theo kỳ hạn cho vay, tuần đầu tiên sau kỳ nghỉ tết (từ 30-1 đến 3-2), trên 66.200 tỉ đồng (số tròn) được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) bơm ra trong tuần từ ngày 9 đến 13-1 sẽ tới kỳ đáo hạn.

Công ty mẹ CTCP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải (HNX: VSP) vừa công bố báo cáo tài chính với mức lỗ năm 2011 lên đến 523.7 tỷ đồng. Đây là năm thứ 3 liên tiếp, kể từ năm 2009, VSP rơi vào tình cảnh thua lỗ. Theo quy định hiện hành, cổ phiếu sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc nếu lỗ 3 năm liên tiếp.

Duong Dao

Analysis

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888 Fax: 393439999

*Thanh khoản hai sàn có tiếp tục duy trì mức khá cao so với thanh khoản bình quân 10 phiên gần nhất, cho thấy tín hiệu tích cực đầu tiên xuất hiện từ yếu tố dòng tiền tham gia thị trường. Hiện tại, chỉ số thị trường vẫn dao động quanh vùng kháng cự 400 điểm với VN-Index và 60 điểm với HNX-Index. Trong những phiên sắp tới, nếu thanh khoản thị trường duy trì được mức xoay quanh 60 triệu đơn vị mỗi phiên, đồng thời chỉ số hai sàn phá vỡ kháng cự hiện tại thì sóng tăng ngắn hạn có thể sẽ còn tiếp tục. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có thể tăng tỷ lệ cổ phiếu và ưu tiên các mã có sẵn trong danh mục để tránh rủi ro T+4 khi đã có nhiều dấu hiệu cho thấy thị trường đang tăng nóng. Ngược lại, khi thanh khoản giảm dần, chỉ số thị trường dao động hẹp phía dưới ngưỡng kháng cự mạnh thì nhà đầu tư nên ưu tiên tỷ lệ tiền mặt cao trong danh mục để tránh rủi ro giảm giá ngắn hạn.*

## HNX:

## Nhận định thị trường:

## Tổng quan thị trường

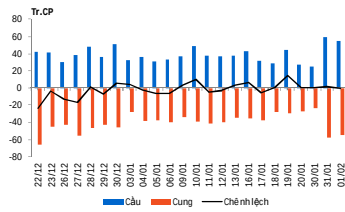
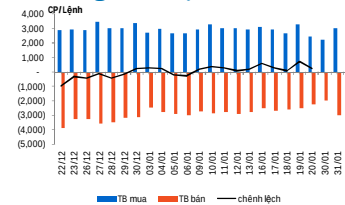
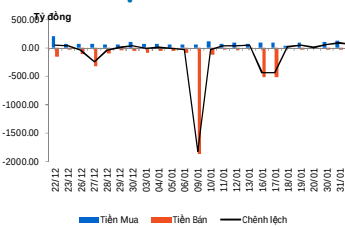
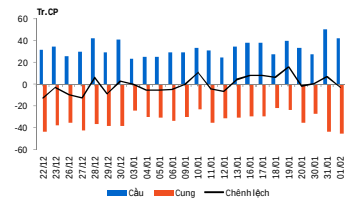
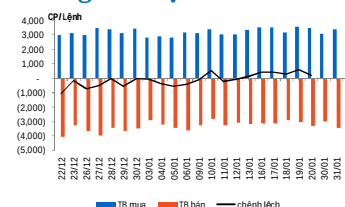
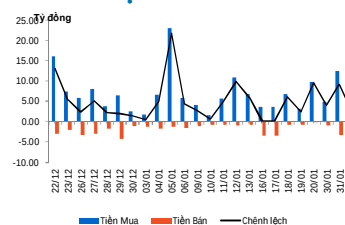
|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|---------|----------|---------|
| HNX-Index             | 60.47   | ↓ -0.12  | -0.20%  |
| KLGD (triệu ck)       | 30.62   | ↓ -8.03  | -20.77% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 238.24  | ↓ -84.05 | -26.08% |
| Tổng cung (triệu ck)  | 45.51   | ↑ 2.06   | 4.73%   |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 42.53   | ↓ -7.55  | -15.07% |
| Giao dịch NN          |         |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 0.83    | ↓ -0.44  | -34.38% |
| KL bán (triệu ck)     | 0.62    | ↑ 0.34   | 126.25% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 7.35    | ↓ -5.13  | -41.09% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 5.29    | ↑ 2.00   | 61.06%  |



## Đồ thị HNX-Index.

- Tín hiệu tích cực đầu tiên xuất hiện trên yếu tố dòng tiền là việc KLGD tiếp tục duy trì mức cao hơn bình quân 10 phiên trong phiên thị trường điều chỉnh giảm, cho thấy phiên trước đó ít có khả năng trở thành phân phối đỉnh.
- Mặc dù vậy, vẫn chưa đủ yếu tố khẳng định sóng tăng có thể tiếp tục khi HNX-Index chưa thực sự break out khỏi kháng cự mạnh tại 60 điểm.
- HNX-Index đã có một sóng tăng khá mạnh, và hiện tại đã tiềm ẩn rủi ro giảm giá ngắn hạn khi các công cụ dao động RSI, MFI đều đang tiến sát tới vùng Quá Mua.

*Bắt đầu xuất hiện tín hiệu tích cực từ dòng tiền tham gia thị trường, tuy nhiên vẫn chưa đủ cơ sở để khẳng định sóng tăng còn có thể tiếp diễn hay không. Hiện tại, HNX-Index đang dao động quanh vùng kháng cự 60 điểm, và chưa xuất hiện break out khỏi mô hình. NĐT ngắn hạn nên tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường trong những phiên sắp tới. Nếu HNX-Index tăng điểm break out khỏi ngưỡng 60 điểm kèm sự gia tăng dần của KLGD thì NĐT có thể gia tăng tỷ lệ cổ phiếu, nhưng nên ưu tiên các mã có sẵn trong danh mục. Ở một kịch bản khác, nếu thanh khoản tiếp tục giảm dần trong phiên tới, NĐT nên tăng tỷ lệ tiền mặt trong danh mục.*

**HSX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Đợt giao dịch mở cửa, nhóm tứ trụ không có thay đổi, các mã khác gồm HAG, ITA, TDC, PVF... tăng nhẹ giúp VN-Index tăng 0.73 điểm ở đợt khớp lệnh thứ nhất, tương đương 0.19% so với tham chiếu lên 388.7 điểm. Sang đợt khớp lệnh liên tục, sự điều chỉnh của các cổ phiếu blue-chips sau 2 phiên tăng điểm mạnh khiến VN-Index quay đầu giảm điểm, Nhóm tứ trụ chìm trong sắc đỏ với mức giảm từ 0.58% đến 2.8%. Nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng ở tình trạng tương tự làm cho VN-Index giảm đến 4.6 điểm lúc 9h30, tức 1.19% và tụt xuống còn 383.37 điểm. Cuối đợt 2, BVH, VNM, VIC, CTG tăng giá nhẹ giúp VN-Index lấy lại sắc xanh với mức tăng 0.85 điểm, tức khoảng 0.22% đạt 388.82 điểm. Với sự hỗ trợ của nhóm tứ trụ, và sự tăng trần của một số mã bluechips gồm IJC, ITA, HAG, HPG, PVF... giúp VN-Index tăng 2.7 điểm vào cuối phiên, tương đương 0.7%, chốt tại 390.67 điểm.

Thanh khoản tiếp tục tăng vọt với trên 39 triệu đơn vị, trị giá 622 tỷ đồng, giao dịch thỏa thuận đã chiếm 8.42 triệu đơn vị, tương đương 204 tỷ đồng

**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Mở cửa, HNX-Index chỉ tăng 0.01 điểm, tức 0.02% tạm duy trì mức 60.6 điểm. Các mã cổ phiếu chủ chốt ở sàn này đều quay đầu giảm giá như PVX, KLS, HBB, BVS, VCG...Đầu đợt khớp lệnh liên tục, HNX-Index giảm về sát 60 điểm khi giảm 0.58 điểm, tức 0.96% so với tham chiếu, đến 9h30, HNX-Index đã mất mốc 60 điểm khi giảm đến 1.11% điểm số. Đà giảm có xu hướng được rút ngắn từ sau 9h30 do áp lực bán giảm bớt, và lực cầu lớn dần. VND và PVX lần lượt bật xanh với mức tăng 1.37% và 4%. Cuối đợt 2, HNX-Index chỉ còn giảm nhẹ 0.55 điểm, tức 0.91% xuống 60.04 điểm. Với 147 mã giảm giá, trong đó có hàng loạt mã bluechips như ACB, HBB, PVS, KLS, NVB, VCG, BVS, SHS, CTS... HNX-Index không thể đảo chiều thành công khi chốt phiên ở mức giảm 0.12 điểm, tức 0.2% xuống 60.47 điểm.

Toàn sàn có 30.6 triệu đơn vị chuyển nhượng, tương đương 238.24 tỷ đồng. Trong đó, 1.38 triệu cổ phiếu thỏa thuận, trị giá 24.5 tỷ đồng.

## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 25 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 7 cổ phiếu tăng giá, 8 cổ phiếu đứng giá và 10 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PSG (tăng 5,88%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PFL (giảm 5,26%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,07% và tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 8,24 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 01/02:

| STT | Mã  | Tên công ty                                   | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Nơi giao dịch |
|-----|-----|-----------------------------------------------|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|---------------|
| 1   | PCG | CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị          | 4,600              | -         | → 0.00        | 0.40  | 13.53         | HNX           |
| 2   | PFL | CTCP Dầu khí Đồng Đô                          | 3,600              | 42,000    | ↓ -5.26       | 0.21  | 0.35          | HNX           |
| 3   | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam         | 19,400             | 531,000   | ↓ -1.52       | 1.13  | 41.24         | HNX           |
| 4   | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN     | 9,900              | 81,700    | ↓ -3.88       | 0.81  | 43.04         | HNX           |
| 5   | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam         | 5,300              | -         | → 0.00        | 0.49  | N/A           | HNX           |
| 6   | PSG | CTCP Đầu tư và Xây Lắp Dầu khí Sài Gòn        | 3,600              | 100       | ↑ 5.88        | 0.33  | N/A           | HNX           |
| 7   | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí                      | 3,600              | 189,500   | ↓ -2.70       | 0.33  | 0.54          | HNX           |
| 8   | PVC | Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | 13,300             | 224,600   | ↓ -0.75       | 0.79  | 6.07          | HNX           |
| 9   | PVE | Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí       | 10,900             | 147,700   | → 0.00        | 1.91  | 7.84          | HNX           |
| 10  | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc         | 10,300             | 341,400   | ↓ -2.83       | 0.66  | 5.20          | HNX           |
| 11  | PVI | Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí                    | 18,600             | 53,700    | ↓ -3.63       | 0.80  | 23.85         | HNX           |
| 12  | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN    | 6,900              | 2,300     | ↓ -1.43       | 0.66  | 1.84          | HNX           |
| 13  | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí            | 13,800             | 374,700   | ↓ -1.43       | 1.17  | 5.19          | HNX           |
| 14  | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN                  | 7,800              | 4,099,300 | ↑ 4.00        | 0.34  | 1.26          | HNX           |
| 15  | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí     | 27,600             | 358,540   | ↑ 2.22        | 1.65  | 4.46          | HSX           |
| 16  | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí            | 12,000             | 180,220   | → 0.00        | 1.07  | 6.56          | HSX           |
| 17  | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN         | 31,500             | 5,260     | → 0.00        | 2.13  | 9.47          | HSX           |
| 18  | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí         | 4,100              | 32,350    | ↑ 2.50        | 0.36  | 2.83          | HSX           |
| 19  | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí      | 38,700             | 282,580   | ↑ 1.84        | 2.98  | 14.83         | HSX           |
| 20  | PVF | Tổng CTCP Tài chính Dầu khí                   | 8,200              | 571,170   | ↑ 3.80        | 0.73  | 9.80          | HSX           |
| 21  | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí                     | 3,700              | 460,140   | ↑ 2.78        | 0.48  | 29.20         | HSX           |
| 22  | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí  | 5,000              | 44,960    | → 0.00        | 0.42  | 1.14          | HSX           |
| 23  | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung               | 5,700              | 98,800    | → 0.00        | 0.51  | 6.46          | HSX           |
| 24  | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí      | 8,000              | 87,440    | ↓ -1.23       | 0.72  | 4.17          | HSX           |
| 25  | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí        | 4,500              | 32,220    | → 0.00        | 0.36  | 1.00          | HSX           |
| 26  | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2            | 6,800              | 5,000     | → 0.00        | 0.62  | 3.29          | UPCOM         |
| 27  | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng                | 5,800              | -         | → 0.00        | 0.54  | 0.00          | UPCOM         |
| 28  | PSP | CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ             | 4,500              | 7,200     | ↑ 2.27        | 0.46  | 13.58         | UPCOM         |
| 29  | PSB | CTCP Đầu tư Sao Mai -Bến Đình                 | 4,400              | 6,400     | ↑ 10.00       | 0.39  | 3.95          | UPCOM         |
| 30  | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương               | 3,800              | -         | → 0.00        | 0.34  | N/A           | UPCOM         |

## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

### Lịch đấu giá các công ty

| Công ty                                                 | VĐL<br>(tỷ đồng) | Tổng số CP<br>chào bán | Giá khởi<br>điểm<br>(đ/cp) | Ngày đấu giá |
|---------------------------------------------------------|------------------|------------------------|----------------------------|--------------|
| Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Khánh Hòa         | 90               | 2.250.000              | 10.000                     | 17/01/2012   |
| Công ty sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal         | 93.25            | 3.636.810              | 10.050                     | 16/01/2012   |
| Công ty TNHH MTV Chế tạo thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng | 250              | 8.699.868              | 10.800                     | 17/01/2012   |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam                 | 14.500           | 84.754.146             | 18.500                     | 28/12/2011   |

### Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

| Công ty                                  | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày nộp hồ sơ |
|------------------------------------------|-----------------------------|------------------|----------------|
| CTCP Định Gia Nét                        | HNX                         | 15               | 24/11/2011     |
| CTCP Du lịch Dầu khí Sapa                | HNX                         | 100              | 18/11/2011     |
| CTCP Dược Trung ương Mediplantex         | HNX                         | 50.24            | 16/11/2011     |
| CTCP Đầu Tư và Xây dựng HUD4             | HOSE                        | 150              | 14/11/2011     |
| CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Bất động sản Sài Gòn | HOSE                        | 400              | 09/11/2011     |

### Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

| Công ty                                 | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày được chấp<br>thuận |
|-----------------------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------------|
| QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB              | HSX                         | 240              | 13/12/2011              |
| CTCP TV-TM-DV ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN MÊ KÔNG | HSX                         | 320              | 15/11/2011              |
| CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN-ĐIỆN LỰC 3    | HSX                         | 95               | 25/10/2011              |
| CTCP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI   | HSX                         | 100              | 25/10/2011              |

### Lịch niêm yết lần đầu

| Công ty                             | Mã CK | Địa chỉ<br>niêm yết | Vốn điều<br>lệ (tỷ đồng) | Ngày giao<br>dịch |
|-------------------------------------|-------|---------------------|--------------------------|-------------------|
| CTCP Tập đoàn FLC                   | FLC   | HNX                 | 170                      | 05/10/2011        |
| CTCP Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân | GMX   | HNX                 | 53                       | 15/09/2011        |
| CTCP Tập đoàn FLC                   | FDT   | HNX                 | 30,5                     | 12/09/2011        |
| Công ty cổ phần Licogi 14           | L14   | HNX                 | 28                       | 13/09/2011        |

Nguồn: HSX, HSX

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| EB  | 14,800     | 15,000   | 1.35  | 86,910,298                         |
| HAG | 21,700     | 22,700   | 4.61  | 28,665,288                         |
| VCB | 24,400     | 23,800   | -2.46 | 27,967,056                         |
| IJC | 9,000      | 9,400    | 4.44  | 18,733,910                         |
| STB | 19,000     | 19,000   | 0.00  | 35,302,887                         |

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| PVX | 7,500      | 7,800    | 4.00  | 31,389                             |
| VND | 7,300      | 7,400    | 1.37  | 28,755                             |
| KLS | 9,300      | 9,100    | -2.15 | 27,771                             |
| SVN | 37,000     | 37,500   | 1.35  | 13,094                             |
| PGS | 19,700     | 19,400   | -1.52 | 10,216                             |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| VES | 1,800      | 1,900    | 100   | 5.56 |
| HSI | 8,000      | 8,400    | 400   | 5.00 |
| LIX | 34,500     | 36,200   | 1,700 | 4.93 |
| CLC | 12,300     | 12,900   | 600   | 4.88 |
| TMS | 22,800     | 23,900   | 1,100 | 4.82 |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| SD1 | 4,300      | 4,600    | 300   | 6.98 |
| NBC | 14,400     | 15,400   | 1,000 | 6.94 |
| LM3 | 2,900      | 3,100    | 200   | 6.90 |
| S27 | 2,900      | 3,100    | 200   | 6.90 |
| CPC | 10,200     | 10,900   | 700   | 6.86 |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| BAS | 1,400      | 1,300    | -100   | -7.14 |
| CAD | 1,900      | 1,800    | -100   | -5.26 |
| SAV | 20,000     | 19,000   | -1,000 | -5.00 |
| AVF | 10,000     | 9,500    | -500   | -5.00 |
| IFS | 4,000      | 3,800    | -200   | -5.00 |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| KTS | 37,300     | 34,700   | -2,600 | -6.97 |
| VCM | 11,600     | 10,800   | -800   | -6.90 |
| IVS | 4,400      | 4,100    | -300   | -6.82 |
| BHC | 4,400      | 4,100    | -300   | -6.82 |
| KBT | 14,700     | 13,700   | -1,000 | -6.80 |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| VCB | 11,567                | VCB | 15,799                |
| MSN | 10,973                | KDC | 4,378                 |
| HAG | 10,400                | PVD | 3,347                 |
| PVD | 9,214                 | NTL | 3,277                 |
| HPG | 7,862                 | ITA | 2,593                 |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| PVE | 1,199                 | KLS | 1,817                 |
| PVI | 909                   | VND | 1,443                 |
| DBC | 730                   | PGS | 612                   |
| PVS | 685                   | BVS | 404                   |
| VCG | 569                   | PVX | 306                   |

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ

#### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888



**PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Chi nhánh Hà Nội*

**Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999**

*Chi nhánh Nam Định*

**Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định - ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979**

*Chi nhánh Thanh Hoá*

**Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá**

*Chi nhánh Nghệ An*

**Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An**

*Chi nhánh Hải Phòng*

**Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu - ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339**